

Số: 605/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 26 tháng 6 năm 2015

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI THÁNG 6
VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

Thực hiện Công văn số 1421/UBND-TH ngày 23/4/2015 của UBND tỉnh về việc chuẩn bị Báo cáo, Đề án phục vụ kỳ họp thứ 17, HĐND tỉnh khóa VI; Công văn số 5571/BCT-KH ngày 05/6/2015 của Bộ Công Thương về việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất công nghiệp và thương mại 6 tháng năm 2015; Sở Công Thương báo cáo các nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI

Sáu tháng đầu năm 2015, tình hình sản xuất công nghiệp và kinh thương mại trên địa bàn Quảng Trị vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá; khó khăn doanh nghiệp từng bước tháo gỡ, hàng hóa tiêu thụ nhanh hơn.

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

1.1. Giá trị sản xuất công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 6/2015 (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 551,44 tỷ đồng, tăng 1,44% so với tháng trước và tăng 17,03% so với tháng cùng kỳ năm trước¹.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2015, giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 3.363,82 tỷ đồng, tăng 12,0% so với cùng kỳ năm trước. Đây là kỳ có mức tăng trưởng cao nhất trong ba năm trở lại đây và đạt trên 51% so với kế hoạch năm 2015².

1.2. Chỉ số sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 6/2015 giảm 5,37% so với tháng trước và tăng 20,07% so với tháng cùng kỳ năm trước³.

Tính chung, chỉ số sản xuất công nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2015 có mức tăng trưởng khá, đạt 12,73% so với cùng kỳ năm trước (cao hơn so với mức tăng cùng kỳ năm 2014, tăng 7,48% và cao hơn mức bình quân chung của cả nước 6 tháng đầu năm 2015, tăng 9,6%)⁴.

¹ Trong đó, công nghiệp khai khoáng ước đạt 32,8 tỷ đồng, tăng 7,48%; công nghiệp chế biến, chế tạo ước đạt 492,5 tỷ đồng, tăng 17,76%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí ước đạt 16,52 tỷ đồng, tăng 10,28%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải ước đạt 9,57 tỷ đồng, tăng 28,43% so với cùng kỳ năm trước.

² Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo ước đạt 2960,25 tỷ đồng, tăng 16,25%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải ước đạt 45,27 tỷ đồng, tăng 14,78%; Riêng công nghiệp khai khoáng ước đạt 163,55 tỷ đồng, giảm 7,9%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí ước đạt 194,74 tỷ đồng, giảm 18,78% so với cùng kỳ năm trước.

³ Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 15,69%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 74,25%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,09%; Riêng công nghiệp khai khoáng giảm 4,05% so với cùng kỳ năm trước.

1.3. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu

Trong tháng 6/2015, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng trưởng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Điện sản xuất tăng 153,85%; dầu nhựa thông tăng 171,19%; may mặc, may trang phục tăng 28,26%; tinh bột sắn tăng 19,98%; xi măng Portland tăng 12,3%; sắt thép các loại tăng 9,68%; phân bón NPK tăng 8,4%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Quặng Inmenit và tinh quặng Inmenit giảm 37,88%; đá xây dựng giảm 13,61%; gỗ cưa, gỗ xẻ giảm 10,56%; điện thương phẩm giảm 8,16%; ván ép giảm 5,0%; gạch xây giảm 2,46%.

Tính chung, 6 tháng đầu năm một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng trưởng cao hơn chỉ số chung như: dầu nhựa thông tăng 175,5%; đồ uống không cồn, nước khoáng tăng 23,75%; Xi măng Portland tăng 22,01%; phân bón NPK giảm 21,47%; tinh bột sắn tăng 21,6%; may mặc, may trang phục tăng 18,42%. Bên cạnh đó một số sản phẩm chững lại và giảm như: Quặng Inmenit và tinh quặng Inmenit giảm 40,4%; điện sản xuất giảm 36,98%; gỗ cưa, gỗ xẻ giảm 19,85%; đá xây dựng giảm 18,01%; lốp xe các loại giảm 16,31% so với cùng kỳ năm trước.

1.4. Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

Chỉ số tiêu thụ sản phẩm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 5/2015 giảm 1,72% so với tháng trước và tăng 10,59% so với tháng cùng kỳ năm trước. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng mạnh như: Dầu nhựa thông tăng 353,4%; phân bón NPK tăng 119,76%; may mặc, may trang phục tăng 31,05%; tinh bột sắn tăng 25,3%.

Cộng dồn 5 tháng đầu 2015, chỉ số tiêu thụ sản phẩm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,32 lần so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do một số sản phẩm có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: Xi măng Portland tăng 3109,9%; dầu nhựa thông tăng 103,94%; tinh bột sắn tăng 53,82%; hóa chất 47,67%; may mặc, may trang phục tăng 37,3%; đồ uống không cồn, nước khoáng tăng 47,97%; phân bón NPK tăng 40,97%; may mặc, may trang phục tăng 26,36%. Các ngành còn lại giảm so với cùng kỳ năm trước.

1.5. Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/6/2015 tăng 28,14% so với cùng kỳ tháng trước và tăng 64,55% so với cùng thời điểm năm trước. Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm so với cùng thời điểm năm 2014 như: Tinh bột sắn giảm 96,84%; dầu nhựa thông giảm 92,54%; ván ép giảm 76,15%; may mặc, may trang phục giảm 69,61%. Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao so với thời điểm cùng kỳ năm trước như: Xi măng tăng 340,57%; đồ uống không cồn, nước khoáng tăng 287,61%; gạch xây 5,83%.

2. Lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu

2.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 6 năm 2015 ước đạt 1869,4 tỷ đồng, tăng 3,55% so với tháng trước và tăng 9,47% so với tháng cùng kỳ

⁴ Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 19,78%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,42%; Riêng công nghiệp khai khoáng giảm 7,79% (do nguồn khoáng sản ngày càng thu hẹp); sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 21,5% so với cùng kỳ năm trước (các tháng đầu năm lượng nước các hồ thủy điện không đủ cho Nhà máy hoạt động liên tục).

năm trước. Do sức mua trong tỉnh và lượng khách tham quan giảm nên ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh thương mại trên địa bàn tỉnh. Cộng dồn 6 tháng đầu năm 2015, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 10558,1 tỷ đồng, tăng 10,64% so với cùng kỳ năm trước và đạt 48,0% so với kế hoạch năm 2015.

2.1.1 Tổng mức bán lẻ hàng hóa

Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 6/2015 ước đạt 1605,61 tỷ đồng, tăng 3,45% so với tháng trước và tăng 8,94% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, phân theo loại hình kinh tế: Khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 134,23 tỷ đồng, giảm 19,37%; khu vực kinh tế cá thể ước đạt 891,41 tỷ đồng, tăng 8,85%; kinh tế tư nhân ước đạt 579,83 tỷ đồng, tăng 18,71% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2015, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 9079,67 tỷ đồng, tăng 9,49% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, phân theo loại hình kinh tế: Khu vực kinh tế nhà nước ước 730,26 tỷ đồng, tăng 22,81%; khu vực kinh tế cá thể ước đạt 5159,74 tỷ đồng, tăng 11,83%; kinh tế tư nhân ước đạt 3189,19 tỷ đồng, tăng 16,77% so với cùng kỳ năm trước.

2.2.2. Doanh thu hoạt động dịch vụ

Doanh thu hoạt động dịch vụ tháng 6 năm 2015 ước đạt 263,79 tỷ đồng, tăng 4,12% so với tháng trước và tăng 24,77% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2015, doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 1478,46 tỷ đồng, tăng 18,21% so với cùng kỳ năm trước (6 tháng cùng kỳ năm 2014 tăng 12,56%).

2.3. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu

2.3.1. Xuất khẩu: Kim ngạch xuất khẩu tháng 6/2015 ước đạt 18,895 triệu USD, tăng 1,12% so với tháng trước và tăng 24,77% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung trong 6 tháng đầu năm 2015, kim ngạch xuất khẩu hàng hoá ước đạt 89,648 triệu USD, tăng 33,94% so với cùng kỳ năm trước và đạt 42,7% so với kế hoạch năm. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 14,897 triệu USD, tăng 24,35%; kinh tế tư nhân ước đạt 69,961 triệu USD, tăng 39,59%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 4,79 triệu USD, giảm 0,95% so với cùng kỳ năm trước⁵.

2.3.2. Nhập khẩu: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 6/2015 ước đạt 13,83 triệu USD, tăng 3,6% so với tháng trước và tăng 7,47% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung, tổng kim ngạch nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm 2015 ước đạt 70,64 triệu USD, tăng 3,25% so với cùng kỳ năm trước, đạt 30,7% so với kế hoạch năm 2014. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 2,229 triệu USD, giảm 40,86%; kinh tế tư nhân ước đạt 65,767 triệu USD, tăng 7,82%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 2,644 triệu USD, giảm 27,62% so với cùng kỳ năm trước⁶.

⁵ Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu tăng so với cùng kỳ năm trước như: Cà phê; tinh bột sắn; phân bón; sản phẩm từ chất dẻo; cao su; gỗ; hàng rau quả...

⁶ Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu như: Hàng rau; Gỗ và các sản phẩm từ gỗ; Sữa và sản phẩm sữa; hạt dẻo (Plastic) nguyên liệu; Linh kiện và phụ tùng xe máy...

3. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2015 so tháng trước giảm 0,07%; Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6 năm 2015 so với thời điểm tháng 12/2014 giảm 0,08% thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (tăng 2,09%). Trong đó, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 1,43%; nhóm giao thông tăng 1,56%; nhóm hàng bưu chính viễn thông giảm 0,22%; Các nhóm hàng còn lại tăng giao động từ 0,14%-4,0%.

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

1. Công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch, đề án

- Hoàn thành lập nhiệm vụ thiết kế, dự toán Quy hoạch chi tiết phương án khảo sát đo đạc bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000 khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc Khu Đông Nam; Phối hợp Sở Kế hoạch Đầu tư chỉnh sửa, hoàn thiện Đề án thành lập khu kinh tế Đông Nam để làm việc với các Bộ, ngành trung ương đưa vào Chương trình công tác trọng tâm của Thủ tướng Chính phủ.

- Hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2013-2020⁷; Đôn đốc đơn vị tư vấn đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch thăm dò, khai thác, khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020. Hiện, đang tổ chức lấy ý kiến tham gia đối với dự thảo Báo cáo quy hoạch.

- Tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định Đề án quy hoạch phát triển các Dự án có nhu cầu sử dụng khí đến năm 2020, định hướng đến 2030 và đề xuất UBND tỉnh bố trí thời gian thẩm định Quy hoạch.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2025⁸; Làm việc với Sở Tài chính để thống nhất Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí xây dựng Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất tỉnh đến năm 2020; Rà soát và bổ sung các nội dung để hoàn chỉnh đề cương và dự toán kinh phí lập Đề án phát triển xuất khẩu hàng hóa tỉnh Quảng Trị đến năm 2020.

- Tổ chức lấy ý kiến dự thảo và hoàn chỉnh dự thảo Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn đến năm 2020; Chương trình phát triển khoa học công nghệ ngành công thương đến năm 2020; Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020; Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động phát triển ngành công nghiệp máy nông nghiệp thực hiện chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản hướng đến năm 2020.

2. Công tác xúc tiến đầu tư các dự án trọng điểm

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức làm việc với Bộ Công Thương để xúc tiến phê duyệt báo cáo nghiên cứu đầu tư (F/S) nhà máy nhiệt điện. Tổng cục Môi trường đã tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Bộ

⁷ Bộ Công Thương đã phê duyệt tại Quyết định số 6185/QĐ-BCT ngày 19/6/2015.

⁸ UBND tỉnh đã phê duyệt tại Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 08/6/2015.

Công Thương đã tổ chức đấu thầu tư vấn thẩm tra F/S, dự kiến phê duyệt trong tháng 7/2015; Tham mưu UBND tỉnh làm việc với các nhà đầu tư (như: Liên doanh điều hành Vietgazprom; Tổng Cty Khí Việt Nam-CTCP) về phát triển dự án khí tại Quảng Trị; Chuẩn bị nội dung làm việc với Phó Thủ tướng Chính phủ về tiến độ triển khai dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trị 1; Cùng đoàn UBND tỉnh khảo sát nhà máy nhiệt điện, cảng biển tại Thái Lan; Đề xuất Bộ Giao thông Vận tải xem xét tính phù hợp Cảng chuyên dùng Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trị 1 với Cảng tổng hợp Mỹ Thủy; Tham mưu UBND tỉnh quyết định vị trí xây dựng Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông Mỹ Thủy.

- Đôn đốc hoàn thành việc khảo sát thiết kế dự toán và thẩm định trình duyệt Hạng mục Cấp điện xã Triệu Thượng thuộc Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2014-2020; Đề xuất Bộ Công Thương tham mưu bố trí vốn hàng năm đáp ứng tiến độ của Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị.

- Tham mưu UBND tỉnh làm việc với Bộ Công Thương về phương án cấp điện cho huyện Đảo Cồn Cỏ; Hoàn chỉnh Phương án cấp điện cho huyện đảo Cồn Cỏ, trình UBND tỉnh; Ngoài ra, đã tích cực đôn đốc các chủ đầu tư triển khai, hoàn thành các dự án của ngành trên địa bàn như: Dự án Nhà máy MDF dây chuyền 2 tại Khu Công nghiệp Quán Ngang, dự án viên nén năng lượng và một số dự án khác.

3. Công tác quản lý nhà nước lĩnh vực công nghiệp

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức kiểm tra tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp và các doanh nghiệp của ngành trên địa bàn tỉnh; Tổ rà soát nắm tình hình các dự án sản xuất đồ gỗ, mộc, mỹ nghệ và viên nén năng lượng trên địa bàn tỉnh; Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trên lĩnh vực công thương.

- Chủ trì tổ chức họp đề xuất mở rộng Cụm công nghiệp phường 4, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (đã được UBND tỉnh thông qua); Tổ chức hướng dẫn triển khai bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện để tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Quảng Trị tiêu biểu lần 3.

- Báo cáo tình hình thực hiện Chiến lược sản xuất sạch hơn giai đoạn 2009-2015 và đăng ký nhiệm vụ năm 2016; Tổ chức khảo sát và đề xuất xây dựng các mô hình áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp tại các doanh nghiệp; Hiện nay, đã hoàn chỉnh thuyết minh và dự toán chi tiết đề tài “Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh”.

- Chủ trì, phối hợp rà soát tình hình thực hiện Thông tư số 33/2012/TT-BCT về lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế mỏ, dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn; Đánh giá các dự án quy hoạch khoáng sản và thực hiện Thông tư 41/2012/TT-BCT của Bộ Công Thương.

4. Công tác quản lý an toàn kỹ thuật và môi trường

- Tăng cường công tác an toàn trong sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, an toàn thực phẩm, an toàn điện trong và sau Tết Âm Lịch 2015; Tổ chức, hướng dẫn các doanh nghiệp trong ngành xây dựng Kế hoạch và tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia về An toàn vệ sinh lao động- phòng chống cháy nổ lần thứ 17 năm 2015;

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động phát triển ngành công nghiệp môi trường và tiết kiệm năng lượng theo Quyết định số 1292/QĐ-TTg ngày 01/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Tổng hợp ý kiến tham gia và hoàn chỉnh Quy chế phối hợp quản lý các dự án thủy điện nhỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Tổ chức các lớp huấn luyện, kiểm tra kỹ thuật an toàn hoá chất; Huấn luyện, kiểm tra sát hạch kiến thức an toàn thực phẩm; huấn luyện kỹ an toàn thuật trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; lớp bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu và lớp nghiệp vụ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng.

- Tổ chức đoàn kiểm tra tình hình sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, bảo quản và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; kiểm định các máy nén khí, máy nổ mìn; an toàn hóa chất; an toàn đập thủy điện; an toàn kỹ thuật, môi trường công nghiệp và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Công tác quản lý nhà nước lĩnh vực điện năng

- Tham mưu rà soát quy hoạch và tiến độ thực hiện các dự án thủy điện nhỏ trên địa bàn; Chủ trì tổ chức làm việc với các Sở, ngành liên quan để thống nhất, đề nghị Bộ công Thương bổ sung dự án thủy điện Bản mới vào Quy hoạch thủy điện nhỏ của tỉnh; Hiện đã được Bộ Công Thương đồng ý phê duyệt bổ sung quy hoạch.

- Tổ chức kiểm tra và tăng cường quản lý chất lượng, đánh giá mức độ an toàn của các hồ đập thủy điện trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp Sở Kế hoạch Đầu tư thụ lý đơn khiếu nại của Công ty Cổ phần Thương Hải về công trình thủy điện ĐaKrông 4; Tham mưu đề xuất UBND tỉnh thỏa thuận hướng tuyến Mạch 2 đường dây 220kV Đồng Hới - Đông Hà; phê duyệt phương án bảo vệ đập công trình thủy điện Hạ Rào Quán.

6. Công tác quản lý nhà nước về thương mại

- Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp xây dựng và triển khai Kế hoạch dự trữ hàng hóa bình ổn giá trong những tháng cuối năm và dịp Tết Nguyên đán Âm Lịch năm 2015; Tổ chức bán hàng bình ổn giá và đưa hàng Việt về nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh; Tổ chức kiểm tra tình hình dự trữ hàng hóa tại các doanh nghiệp được phân công; kiểm tra tình hình bán hàng bình ổn tại các chợ trên địa bàn.

- Trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch dự trữ hàng hoá phục vụ công tác phòng chống lụt bão năm 2015; Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Quảng Trị triển khai chương trình ổn định thị trường theo kinh nghiệm của thành phố Hồ Chí Minh.

- Lập hồ sơ đề nghị UBND tỉnh bổ sung quy hoạch một số cửa hàng xăng dầu trên địa bàn; Rà soát và báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch mạng lưới chợ; tình hình đầu tư, xây dựng chợ đặc biệt là chợ nông thôn mới; công tác tổ chức quản lý chợ trên địa bàn.

7. Công tác quản lý thị trường

- Chỉ đạo các ngành, lực lượng liên quan tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả cuối năm 2014 và dịp Tết Nguyên đán Ất Mùi năm 2015; Chỉ đạo kiểm tra tình hình, công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên tuyến biên giới; Tham mưu triển khai Chỉ thị 30/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng thực hiện Chỉ thị 30/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu thuốc lá.

- Tham mưu thành lập và triển khai các Tổ kiểm tra thị trường nội địa tập trung vào các địa bàn trọng điểm, khu vực biên giới; Thành lập và triển khai các đoàn kiểm tra liên ngành về chống hàng giả, hàng không đảm bảo chất lượng; Cụ thể: Đoàn kiểm tra liên ngành về kinh doanh mặt hàng xe máy hai bánh tại Khu Kinh tế Thương mại đặc biệt Lao Bảo; Đoàn kiểm tra liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm; Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra điều kiện kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hoá lỏng.

- Trong 6 tháng đầu năm 2015, lực lượng quản lý thị trường tiến hành kiểm tra 790 vụ. Trong đó, hàng cấm 129 vụ; hàng nhập lậu 130 vụ; kiểm tra kinh doanh 54 vụ; hàng giả, vi phạm sở hữu trí tuệ 13 vụ; đầu cơ, găm hàng và sai phạm trong lĩnh vực giá 105 vụ; kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm 14 vụ; nhãn hàng hóa 125 vụ. Tổng số vụ vi phạm xử lý 570 vụ. Tổng số tiền xử phạt hành chính 2316,48 triệu đồng; tổng trị giá hàng hoá tạm giữ, tịch thu 1216,98 triệu đồng.

8. Hoạt động khuyến công

- Đã được UBND tỉnh phê duyệt 17 đề án, với kinh phí 1.025 triệu đồng từ nguồn kinh phí khuyến công tỉnh gồm: 03 đề án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, 10 đề án ứng dụng máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, 01 đề án chuyển giao kỹ thuật và xây dựng nhãn hiệu sản phẩm, 01 đề án đào tạo nghề may công nghiệp, 01 đề án di dời gây ô nhiễm môi trường, 01 đề án áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp. Hiện đã chỉ đạo tổ chức ký hợp đồng và hướng dẫn các đơn vị thụ hưởng triển khai thực hiện theo đúng nội dung và tiến độ quy định. Bên cạnh đó, Sở đã ban hành và triển khai Kế hoạch xây dựng Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 – 2020

- Bộ Công Thương phê duyệt thực hiện 02 đề án, với kinh phí hỗ trợ 700 triệu đồng hỗ trợ khuyến công quốc gia, gồm: 01 Đề án “Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất viên nén gỗ” và 01 Đề án “Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất gạch không nung”. Các đề án trên đang được tổ chức thực hiện.

- Phối hợp với Đài PT-TH tỉnh thực hiện và phát sóng 06 chuyên mục “Trang Công Thương Quảng Trị” và biên tập, phát hành 02 Bản tin/Đặc san Công Thương

Quảng Trị; Cập nhật các tin bản, hình ảnh, văn bản liên quan đến hoạt động khuyến công và xúc tiến thương mại lên Website khuyến công Quảng Trị.

9. Xúc tiến thương mại và hội nhập kinh tế

- Tiếp tục phối hợp với Viện MeKong (MI) triển khai dự án “nâng cao năng lực hướng tới phát triển toàn diện và bình đẳng tiểu vùng sông MeKong” (RLEC-EWEC). Cụ thể: Phối hợp triển khai Dự án “Phát triển kinh tế khu vực và địa phương - Hành lang kinh tế- Đông Tây”; Hội thảo đánh giá chương trình hợp tác giữa Viện Mekong và các đối tác địa phương; Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, địa phương hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi thành lập Hội Cà phê Khe Sanh; Chuẩn bị nội dung liên quan triển khai nhóm nghiên cứu thương mại xuyên biên giới.

- Tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo Hội chợ Công Thương Khu vực Bắc Trung Bộ - Nhịp cầu xuyên Á – Quảng Trị 2015”; Triển khai lập hồ sơ chào hàng cạnh tranh gói thầu tổ chức Hội chợ Công Thương khu vực Bắc Trung Bộ - Nhịp cầu Xuyên Á 2015; Tổ chức đoàn giao thương mời gọi các địa phương, doanh nghiệp Lào, Thái Lan tham gia hội chợ.

Về triển khai các đề án xúc tiến thương mại, Sở tham mưu UBND tỉnh phê duyệt 05 đề án với kinh phí 458 triệu đồng từ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh; Hiện đã hoàn thành 01 đề án Hội chợ thương mại huyện Hải Lăng và đang triển khai 02 đề án Phiên chợ hàng Việt về nông thôn tại xã Vĩnh Nam, Vĩnh Linh và xã Trung Giang, Gio Linh. Lập hồ sơ đề nghị Bộ Công Thương phê duyệt 04 phiên chợ (kinh phí 425 triệu đồng) hàng Việt về nông thôn thuộc Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia. Đến nay, đã tổ chức hoàn thành 04 Phiên chợ hàng Việt về nông thôn tại xã Gio An và thị trấn Cửa Việt (huyện Gio Linh), thị trấn Cửa Tùng (huyện Vĩnh Linh) và xã Hải Quế (huyện Hải Lăng).

10. Công tác chuẩn bị tổ chức Diễn đàn kinh tế Quảng Trị 2015- Kết nối hành lang kinh tế Đông Tây”

- Tham mưu Dự thảo bài phát biểu của Lãnh đạo tỉnh tại Diễn đàn kinh tế Quảng Trị 2015 - Kết nối hành lang kinh tế Đông Tây tại Phiên 2: "Phát triển kinh tế khu vực Đông Nam tỉnh Quảng Trị - Tiềm năng, triển vọng hình thành năng lượng và kết nối năng lượng với các nước trên hành lang kinh tế Đông - Tây".

- Cử cán bộ tham gia Ban thư ký và Tổ giúp việc cho Ban thư ký Diễn đàn; Tham gia ý kiến về dự thảo danh sách đại biểu và Kế hoạch chi tiết tổ chức Diễn đàn kinh tế Quảng Trị 2015 - Kết nối hành lang kinh tế Đông Tây.

11. Công tác thanh tra, kiểm tra

- Tham mưu giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri theo yêu cầu của UBND tỉnh tại Công văn số 115/UBND-TH ngày 13/01/2015; Giải trình ý kiến, kiến nghị cử tri trước kỳ họp thứ 14, HĐND tỉnh Khóa VI theo yêu cầu Công văn số 4544/UBND-TH ngày 19/12/2014.

- Trả lời Đơn kêu cứu của công dân về xây dựng Cửa hàng xăng dầu gây nguy hiểm trên địa bàn thị xã Quảng Trị; Xử lý "Đơn Dân nguyện"; Hướng dẫn

công dân ở xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật; Tổ chức hợp xử lý vi phạm Kinh doanh hóa chất của một số cửa hàng tại huyện Vĩnh Linh.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch phòng, chống tham nhũng của Sở năm 2015.

12. Công tác tổ chức, hành chính

- Hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị thành lập Đội Quản lý thị trường số 6, thuộc Chi cục Quản lý thị trường Quảng Trị; Tiến hành rà soát quy hoạch cán bộ cấp phòng và tương đương thuộc Sở; Thực hiện quy trình bổ nhiệm phó trưởng phòng Xuất nhập khẩu & Hội nhập kinh tế.

- Tổ chức Hội nghị lấy phiếu tín nhiệm và họp kiểm điểm đối với tập thể cán bộ Lãnh đạo Sở.

- Xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch cải cách hành chính; Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật; Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của Sở năm 2015.

- Tổ chức rà soát sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc; Quy chế chi tiêu nội bộ; Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý và sử dụng xe ô tô của cơ quan Sở.

- Thực hiện đối chiếu hồ sơ cá nhân trên hệ thống thông tin cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; Phối hợp Trung tâm tin học thuộc UBND tỉnh xây dựng và nâng cấp Trang Thông tin điện tử của Sở; Làm việc với Đoàn Văn phòng UBCCQ tỉnh Savannakhet về kinh nghiệm ứng dụng Công nghệ thông tin của Sở.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt được:

- Thực hiện sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Bộ Công Thương; Sở Công Thương đã chủ động xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình công tác trọng tâm, Chương trình hành động và các thông báo kết luận của UBND tỉnh và Bộ Công Thương.

- Cùng với điều kiện kinh tế thế giới và trong nước có những dấu hiệu tích cực; Hoạt động sản xuất có chiều hướng tăng trở lại; Các chỉ tiêu chủ yếu ngành có mức tăng trưởng khá, lạm phát được kiểm chế; chỉ số phát triển công nghiệp đạt mức tăng trưởng khá, cao hơn so với các tỉnh trong khu vực.

- Công tác triển khai lập quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết Khu Đông Nam tỉnh Quảng Trị được quan tâm thực hiện, qua đó sớm hoàn thiện và tham mưu UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ thông qua Đề án thành lập khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; Tích cực hỗ trợ thủ tục đầu tư dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trị và các dự án động lực khác trong trung tâm Khu Đông Nam; Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị và phương án cấp điện cho huyện Đảo Cồn Cỏ cũng được khẩn trương triển khai thực hiện theo yêu cầu của UBND tỉnh.

Công tác khuyến công và xúc tiến thương mại, đưa hàng Việt về nông thôn được tích cực triển khai thực hiện và đem lại hiệu quả đáng kể, góp phần tháo gỡ khó khăn, mở rộng thị trường cho doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành được tăng cường, đặc biệt là đối với các lĩnh vực như: An toàn kỹ thuật môi trường, quản lý và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng; an toàn vệ sinh thực phẩm; Hoạt động kiểm tra, kiểm soát thị trường được đẩy mạnh; Công tác chấn chỉnh xử phạt vi phạm hành chính thực hiện nghiêm túc.

2. Những mặt hạn chế và nguyên nhân

- Mặc dù, tình hình kinh tế có sự chuyển biến tích cực song hoạt động thương mại nội địa cũng như hoạt động xuất khẩu vẫn chưa đạt so với kế hoạch đề ra và chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến còn ở mức cao so với thời điểm cùng kỳ năm 2014.

- Do chậm được bố trí vốn nên công tác xây dựng các quy hoạch, đề án của ngành (Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Quảng Trị; Quy hoạch thăm dò, khai thác, khoáng sản tỉnh Quảng Trị; Quy hoạch phát triển các Dự án có nhu cầu sử dụng khí; Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất tỉnh và Đề án phát triển xuất khẩu hàng hóa tỉnh Quảng Trị đến năm 2020) thực hiện còn chậm so với tiến độ đề ra.

- Kết cấu hạ tầng công nghiệp cụm, điểm công nghiệp, chợ (nhất là chợ nông thôn) chưa được quan tâm đầu tư; Nguyên nhân chính là thiếu vốn đầu tư làm giảm khả năng thu hút đầu tư dẫn đến hiệu quả hoạt động còn thấp.

- Công tác đấu tranh chống buôn lậu gặp khó khăn do lực lượng còn mỏng, thiếu phương tiện và thiết bị chuyên dụng phục vụ công tác; Một số quy định việc xử lý các loại thực phẩm đang tạm giữ hoặc tịch thu có hạn sử dụng tại Nghị định 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 173/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính còn chưa phù hợp với thực tế nên gây cản trở trong thi hành.

IV. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2015

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục có những chuyển biến tích cực, khả quan song vẫn còn nhiều biến động, trên cơ sở kết quả đạt được trong 6 tháng năm 2015; ngành Công Thương tiếp tục đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại xác định mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2015, như sau:

1. Mục tiêu:

- Công nghiệp: Thực hiện giá trị sản xuất công nghiệp đạt trên 48,5% kế hoạch năm, giá trị tuyệt đối ước đạt trên 3.160 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010).

- Thương mại: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt trên 52% kế hoạch năm, giá trị tuyệt đối ước đạt 11440 tỷ đồng. Trong đó, Tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt trên 52% kế hoạch năm, giá trị tuyệt đối ước đạt gần 9820 tỷ đồng (theo giá hiện hành).

- Xuất nhập khẩu: Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ đạt trên 58% kế hoạch năm, giá trị tuyệt đối ước đạt 120 triệu USD; Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đạt 69% kế hoạch năm, vào khoảng 159 triệu USD.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2015:

- Tiếp tục chuẩn bị nội dung được phân công và tham dự “Diễn đàn kinh tế Quảng Trị năm 2015 - Kết nối hành lang kinh tế Đông Tây”.
- Báo cáo công tác quy hoạch năm 2015 và đề xuất nhiệm vụ quy hoạch, vốn quy hoạch năm 2016; Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2016.
- Triển khai lập quy hoạch phân khu và Quy hoạch chi tiết khu Đông Nam Quảng Trị; Tổ chức công bố quy hoạch chung xây dựng khu Đông Nam Quảng Trị.
- Tổ chức công bố và triển khai Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến 2020, có xét đến năm 2030; Lựa chọn tư vấn và thực hiện lập Quy hoạch phát triển điện lực hợp phần 1 tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2025 có xét đến 2035.
- Tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển các dự án có nhu cầu sử dụng khí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2030 và triển khai thực hiện.
- Phối hợp Sở Tài chính hoàn chỉnh đề cương nhiệm vụ, dự toán Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh, Đề án phát triển xuất khẩu hàng hóa tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 và trình UBND tỉnh phê duyệt.
- Tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của Chính phủ; Hoàn chỉnh và trình phê duyệt Chương trình khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển các ngành công nghiệp và thương mại đến năm 2020; Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn đến năm 2020.
- Tăng cường công tác nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, khó khăn vướng mắc, để tham mưu và đề xuất UBND tỉnh các giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ cho các doanh nghiệp trên địa bàn.
- Hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 và các dự án đầu tư khác vào Khu Đông Nam Quảng Trị; Hướng dẫn và thu hút các dự án đầu tư của ngành trên địa bàn tỉnh.
- Lựa chọn nhà thầu và tổ chức thi công xây lắp hạng mục cấp điện xã Triệu Thượng thuộc Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2014-2020; Tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Công Thương, Thủ tướng xem xét phương án cấp điện huyện Đảo Cồn Cỏ.
- Tiếp tục chỉ đạo các ngành, lực lượng chức năng tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, đặc biệt là trong những tháng cuối năm 2015; Tăng cường công tác kiểm tra hàng giả, hàng nhái, hàng không đảm bảo chất lượng, vi phạm sở hữu trí tuệ, gian lận thương mại, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu bố trí vốn đầu tư và phát triển chợ thuộc các xã thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục phối hợp với Viện MI triển khai dự án “Nâng cao năng lực hướng tới phát triển toàn diện và bình đẳng tiểu vùng Mekong”.

- Triển khai xây dựng Đề án phát triển xuất khẩu hàng hóa tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 sau khi được UBND tỉnh phê duyệt đề cương và dự toán.

- Tăng cường chỉ đạo các doanh nghiệp, các Ban quản lý chợ các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, Trung tâm Thương mại và các Siêu thị trên địa bàn, Chi cục Quản lý thị trường, Phòng Kinh tế & Hạ tầng, Phòng Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh về công tác đảm bảo bình ổn thị trường trong những tháng cuối năm 2015.

- Tiếp tục công tác quản lý chất lượng và đảm bảo an toàn hồ đập thủy điện trên địa bàn.

- Tham mưu triển khai Nghị quyết 09/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến công; Tiếp tục triển khai các đề án khuyến công tỉnh và quốc gia năm 2015; Hướng dẫn lập dự án và hỗ trợ khuyến công đợt 2 năm 2015; Đăng ký nhiệm vụ sản xuất sạch hơn trong công nghiệp năm 2016.

- Phối hợp với Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Công Thương), đơn vị tổ chức chuẩn bị và tổ chức Hội chợ Công Thương khu vực Bắc Trung Bộ-Nhịp cầu xuyên Á 2015.

- Tiếp tục thực hiện các đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Trị năm 2015; Hoàn thiện quy chế quản lý kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh; Xây dựng Chương trình Xúc tiến thương mại giai đoạn 2016 – 2020; Trình UBND tỉnh phê duyệt các Đề án Xúc tiến thương mại năm 2016.

- Tham mưu tổ chức các đoàn kiểm tra định kỳ tình hình sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, bảo quản và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; an toàn hóa chất; an toàn đập thủy điện; an toàn thực phẩm; an toàn kỹ thuật, môi trường công nghiệp và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2015 của Thanh tra Sở đã được phê duyệt gắn liền với thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật đối với các lĩnh vực trong ngành.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính; Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính; Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật; Tổ chức thực hiện Kế hoạch cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

V. Đề xuất, kiến nghị

- Kính đề nghị UBND tỉnh tiếp tục quan tâm, chỉ đạo đối với việc lập Quy hoạch phân khu và Quy hoạch chi tiết khu Đông Nam Quảng Trị; Bố trí thời gian thẩm định Đề án quy hoạch phát triển các Dự án có nhu cầu sử dụng khí đến năm 2020, định hướng đến 2030 để sớm phê duyệt, có cơ sở triển khai thực hiện.

- Kính đề nghị UBND tỉnh quan tâm bố trí kinh phí để lập và hoàn chỉnh đối với: Quy hoạch thăm dò, khai thác, khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2030 (ưu tiên từ nguồn thu cấp quyền khai thác khoáng sản); Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2025; Xem xét thông qua Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất tỉnh đến năm 2020; Đề án phát triển xuất khẩu hàng hóa tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 (đã được UBND tỉnh đưa vào Chương trình công tác trọng tâm năm 2015).

- Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét triển khai một số đề án trên lĩnh vực thương mại: Quy hoạch phát triển hệ thống kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2025; Quy hoạch phát triển mạng lưới bán buôn, bán lẻ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2025.

- Kính đề nghị UBND tỉnh quan tâm bố trí vốn đầu tư kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp và đầu tư xây dựng chợ trên địa bàn tỉnh, nhất là các chợ thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới, vì hiện nay số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới về chợ trên địa bàn tỉnh đạt thấp, huyện ĐaKrong chưa có xã nào đạt tiêu chí về chợ.

- Kính đề nghị UBND tỉnh, Bộ Công Thương quan tâm xúc tiến đầu tư các dự án điện gió; Tiếp tục quan tâm xử lý các vướng mắc trong thủ tục đầu tư dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trị 1 và các dự án động lực khác trong Khu Đông Nam để sớm triển khai thực hiện; Kiến nghị Trung ương quan tâm bố trí vốn đầu tư dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2014-2020; Tham mưu trình Thủ tướng xem xét phương án cấp điện huyện Đảo Cồn Cỏ.

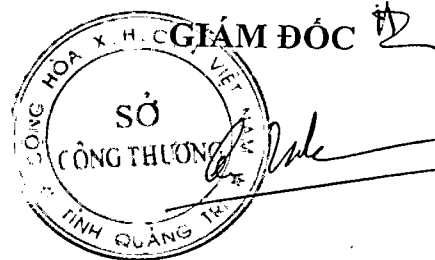
- Kính đề nghị UBND tỉnh sớm thông qua Đề án thành lập Đội Quản lý thị trường số 6, thuộc Chi cục Quản lý thị trường Quảng Trị để Sở có cơ sở sắp xếp, kiện toàn.

- Chỉ đạo triển khai Hội chợ Công Thương khu vực Bắc Trung Bộ-Nhịp cầu xuyên Á 2015 (dự kiến tháng 7/2015).

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại của tỉnh, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2015 và một số nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2015; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CNĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh ủy; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở CT các tỉnh Bắc Trung bộ, miền Trung và Tây Nguyên;
- Sở KH & ĐT, Cục Thống kê;
- Phòng Kinh tế- Hạ tầng các huyện, thị, thành phố;
- GD, các PGD Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP. *VP*



Lê Quang Vĩnh

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI THÁNG 6 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Năm 2014		Năm 2015			Tỷ lệ (%)		
				Thực hiện tháng 6	Thực hiện 6 tháng	Kế hoạch năm 2015	Ước thực hiện tháng 6	Ước thực hiện cả 6 tháng	Tháng 6 năm 2015 so với tháng 6 năm 2014	6 tháng năm 2015 So với cùng kỳ năm 2014	6 tháng năm 2015 so với KH năm 2015
A	B	C	D		I	2		3		4=3/1	5=3/2
I	Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh năm 2010)	Tỷ đồng		471,200	3.003,31	6.520	551,44	3.363,82	117,03%	112,00%	51,6%
1	<i>Phân theo ngành công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>									
1,1	Công nghiệp khai khoáng	"		30,52	177,58		32,80	163,55	107,48%	92,10%	
1,2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	"		418,25	2.546,5		492,5	2.960,25	117,76%	116,25%	
1,3	Sản xuất, tập trung và phân phối điện ga	"		14,98	239,78		16,52	194,74	110,28%	81,22%	
1,4	Cung cấp nước, HĐ quản lý và xử lý nước thải	"		7,45	39,44		9,57	45,27	128,43%	114,78%	
II	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm									
1	Quặng Inmenit và tinh quặng Inmenit	Tấn		1341	8.644		833	5.152	62,12%	59,60%	
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn		931	2.396		697	2.421	74,87%	101,04%	
3	Đá xây dựng	1000 m3		78,713	403		68	330	86,39%	81,99%	
4	Tinh bột sắn	Tấn		1887	36.675		2264	44.596	119,98%	121,60%	
5	Đồ uống không cồn, nước khoáng	1000 lít		824	4.009		754	4.961	91,50%	123,75%	
6	May mặc, may trang phục	1000 cái		92	722		118	855	128,26%	118,42%	
7	Gỗ xẻ	1000 m3		8,62	47,42		7,7	38,01	89,44%	80,15%	

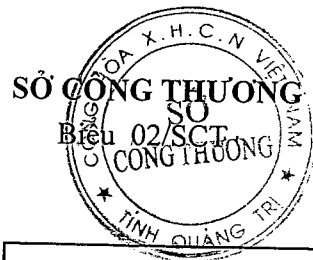


TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Năm 2014		Năm 2015			Tỷ lệ (%)		
				Thực hiện tháng 6	Thực hiện 6 tháng	Kế hoạch năm 2015	Ước thực hiện tháng 6	Ước thực hiện cả 6 tháng	Tháng 6 năm 2015 so với tháng 6 năm 2014	6 tháng năm 2015 So với cùng kỳ năm 2014	6 tháng năm 2015 so với KH năm 2015
A	B	C	D		I	2		3		4=3/1	5=3/2
8	Ván ép (gỗ MDF)	1000 m3		6,84	38,32		6,5	37,52	95,00%	97,89%	
9	Dầu nhựa thông	Tấn		59	298		160	821	271,19%	275,50%	
10	Colophan, axit nhựa cây và các dẫn xuất khác	Tấn		350	1.912,0		750	3.504	214,29%	183,26%	
11	Phân bón NPK	Tấn		3690	20.688		4000	25.130	108,40%	121,47%	
12	Lốp xe các loại	1000 cái		135	785		130	657	96,30%	83,69%	
13	Săm xe các loại	1000 cái		310	1.653		340	1.579	109,68%	95,52%	
14	Gạch xây	1000 viên		14250	75.771		13900	79.600	97,54%	105,05%	
15	Xi măng Portland	Tấn		25734	121.322		28900	148.022	112,30%	122,01%	
16	Tấm lợp Fibro xi măng	1000 m2		401	2.390		387	2.004	96,51%	83,85%	
18	Điện sản xuất	Triệu Kwh		13	192		33	121	253,85%	63,02%	
19	Điện Thương phẩm	Triệu Kwh		49	219		45	229	91,84%	104,57%	
20	Nước uống được	1000 m3		960	4.896		960	5.192	100,00%	106,05%	
III	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng		1707,64	9.543,1	22.000	1.869,4	10.558,1	109,47%	110,64%	48,0%
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng		1473,86	8.292,4	18.900	1.605,61	9.079,67	108,94%	109,49%	48,04%
	<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>	<i>Tỷ đồng</i>									
1,1	Kinh tế Nhà nước	"		166,48	947,28		134,23	730,26	80,63%	77,09%	
1,2	Kinh tế Tập thể	"		-	0,01		0,14	0,49	-	9780,0%	
1,3	Kinh tế Cá thể	"		818,94	4613,91		891,41	5159,74	108,85%	111,83%	
1,4	Kinh tế Tư nhân	"		488,44	2731,17		579,83	3189,19	118,71%	116,77%	
1,5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"		-	-		-	-	-	-	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Năm 2014		Năm 2015			Tỷ lệ (%)		
				Thực hiện tháng 6	Thực hiện 6 tháng	Kế hoạch năm 2015	Ước thực hiện tháng 6	Ước thực hiện cả 6 tháng	Tháng 6 năm 2015 so với tháng 6 năm 2014	6 tháng năm 2015 So với cùng kỳ năm 2014	6 tháng năm 2015 so với KH năm 2015
A	B	C	D		I	2		3		4=3/1	5=3/2
	Doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng		233,78	1.250,69	3100	263,79	1.478,46	112,84%	118,21%	47,7%
	Phân theo ngành kinh tế										
	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, du lịch, lữ hành)	Tỷ đồng		65,252	377,395		66,883	404,83	102,50%	107,27%	
	Doanh thu hoạt động dịch vụ phân theo ngành (trừ lưu trú, ăn uống, du lịch, lữ hành)	Tỷ đồng		168,531	873,292		196,91	1073,62	116,84%	122,94%	
IV	Xuất khẩu										
1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tr. USD		15,144	66,935	210,00	18,895	89,648	124,77%	133,94%	42,7%
	Phân theo loại hình kinh tế	"									
1,1	Kinh tế Nhà nước	"		1,807	11,980		2,711	14,897	150,03%	124,35%	
1,2	Kinh tế Tập thể	"		-	-		-	-	-	-	
1,3	Kinh tế Cá thể	"		-	-		-	-	-	-	
1,4	Kinh tế Tư nhân	"		11,955	50,119		15,364	69,961	128,52%	139,59%	
1,5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"		1,382	4,836		0,820	4,790	59,33%	99,05%	
	Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu	Tr. USD									
1,1	Hàng rau quả			-	-		5,550	18,054	-	-	
1,2	Cà phê			0,554	1,330		0,070	1,779	12,64%	133,76%	
1,3	Sắn và các sản phẩm từ sắn			1,061	7,502		2,000	10,995	188,50%	146,56%	
1,4	Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc			-	-		1,770	4,333	-	-	
1,5	Quặng và khoáng sản khác			-	-		0,452	2,750	-	-	
1,6	Phân bón các loại			0,202	1,458		0,628	1,793	310,89%	122,98%	
1,7	Sản phẩm từ chất dẻo			0,800	3,092		0,900	5,451	112,50%	176,29%	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Năm 2014		Năm 2015			Tỷ lệ (%)		
				Thực hiện tháng 6	Thực hiện 6 tháng	Kế hoạch năm 2015	Ước thực hiện tháng 6	Ước thực hiện cả 6 tháng	Tháng 6 năm 2015 so với tháng 6 năm 2014	6 tháng năm 2015 So với cùng kỳ năm 2014	6 tháng năm 2015 so với KH năm 2015
A	B	C	D		I	2		3		4=3/I	5=3/2
1,8	Cao su			0,502	0,728		2,254	4,605	449,00%	632,55%	
1,9	Gỗ			0,518	2,285		4,476	32,792	864,09%	1435,1%	
1,10	Sắt thép			-	-		0,155	1,163	-	-	
1,11	Phương tiện vận tải và phụ tùng			-	-		0,820	4,790	-	-	
1,12	Điện			-	-		0,180	1,143	-	-	
V	Nhập khẩu										
1	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tr. USD		12,869	68,418	230	13,830	70,640	107,47%	103,25%	30,7%
	<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>	"									
1,1	Kinh tế Nhà nước	"		0,887	3,769		0,550	2,229	62,01%	59,14%	
1,2	Kinh tế Tập thể	"		-	-		-	-	-	-	
1,3	Kinh tế Cá thể	"		-	-		-	-	-	-	
1,4	Kinh tế Tư nhân	"		11,443	60,996		12,892	65,767	112,66%	107,82%	
1,5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"		0,539	3,653		0,388	2,644	71,99%	72,38%	
	Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu	Tr. USD									
2.1	Sữa và sản phẩm sữa			0,260	0,650		0,185	1,553	71,15%	238,92%	
2.2	Hàng rau			-	-		5,590	19,064	-	-	
2.3	Clanhke			-	-		0,006	0,075	-	-	
2.4	Chất dẻo (Plastic) nguyên liệu			-	-		0,200	1,569			
2.5	Cao su			-	-		0,060	0,810	-	-	
2.6	Gỗ và các sản phẩm từ gỗ			21,150	49,936		6,866	42,088	32,46%	84,28%	
2.7	Kim loại thường khác			-	-		0,095	0,808	-	-	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Năm 2014		Năm 2015			Tỷ lệ (%)		
				Thực hiện tháng 6	Thực hiện 6 tháng	Kế hoạch năm 2015	Ước thực hiện tháng 6	Ước thực hiện cả 6 tháng	Tháng 6 năm 2015 so với tháng 6 năm 2014	6 tháng năm 2015 So với cùng kỳ năm 2014	6 tháng năm 2015 so với KH năm 2015
A	B	C	D		I	2		3		4=3/1	5=3/2
2.8	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện			-	-		0,050	0,377	-	-	
2.9	Linh kiện và phụ tùng xe máy			-	-		0,328	1,074	-	-	
2,10	Hàng hóa khác			-	-		0,450	3,222	-	-	
VI	Quản lý thị trường										
1	Số vụ kiểm tra trong lĩnh vực quản lý thị trường	Vụ		200	541	1.485	174	790	87,00%	146,03%	53,2%
	Trong đó: Tổng số vụ xử lý, vi phạm hành chính			96	200	630	106	570	110,42%	285,00%	90,5%
1.1	Hàng cấm	"		14	10	50	16	129	114,29%	1290,0%	258,0%
1.2	Hàng nhập lậu	"		9	44	140	21	130	233,33%	295,45%	92,9%
1.3	Gian lận thương mại	"									
1.4	Vi phạm về hàng giả, hàng kém chất lượng và quyề	"		8	-	20	-	13	-	-	65,0%
1.5	Vi phạm về đầu cơ, găm hàng và sai phạm trong lĩ	"		24	65	140	26	105	108,33%	161,54%	75,0%
1.6	Vi phạm trong kinh doanh	"		5	26	100	12	54	240,00%	207,69%	54,0%
1.7	Vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm	"		1	32	60	1	14	100,00%	43,8%	23,3%
1.8	Vi phạm khác (nhãn hàng hóa)	"		35	23	120	30	125	85,71%	543,48%	104,2%
2	Số tiền thu phạt trong kỳ	Tr. đồng		165	702,32	5.300	609	5.225,9	368,46%	744,10%	98,6%
	Trong đó:			-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Tiền phạt hành chính	Tr. đồng		77,23	164,38	1.000	310,75	2.316,48	402%	1409,3%	231,6%
2.2	Tiền bán hàng tịch thu	Tr. đồng		88,18	355,36	3.000	113,30	822,14	128,48%	231,35%	27,4%
2.3	Trị giá hàng hóa chưa bán	Tr. đồng		-	180,97	-	82,37	1.216,98	-	-	-
2.4	Trị giá hàng tiêu hủy	Tr. đồng		-	1,62	1.300	103,04	870,34	-	53725%	66,9%



CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
Tháng 6 và 6 tháng năm 2015

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 5/2015		Dự ước tháng 6/2015			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 6/2015 so với tháng 6/2014
	So với cùng kỳ năm gốc 2010	So với tháng cùng kỳ năm trước (2014)	So với cùng kỳ năm gốc 2010	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước (2014)	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	171,48	112,04	152,69	94,63	120,07	112,73
1. Công nghiệp khai khoáng	51,53	99,89	48,91	95,32	95,95	92,21
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	201,05	117,17	175,26	89,80	115,69	119,78
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	54,58	82,43	68,55	126,93	174,25	78,50
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	140,82	117,84	141,25	100,31	100,09	107,42



CHỈ SỐ TIÊU THỤ NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO
Tháng 5/2015

Đơn vị: %

Tên ngành	Mã số	So với cùng kỳ năm gốc 2010	Tháng 5/2015 so với tháng 4/2015	Tháng 5/2015 so với tháng 5/2014	Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 5/2015 so với cuối tháng 5/2014
A	B	1	2	3	4
Toàn ngành		236,25	98,28	110,59	331,87
C. Công nghiệp chế biến, chế tạo		236,25	98,28	110,59	331,87
1. Tinh bột sắn		384,45	70,39	125,30	147,97
2. Đồ uống không cồn, nước khoáng		182,08	93,81	95,21	120,81
3. May mặc, may trang phục		5,80	79,97	131,05	126,36
4. Gỗ cưa, gỗ xẻ		49,94	82,67	75,26	94,33
5. Ván ép (gỗ MDF)		99,25	99,92	90,66	96,14
6. Dầu nhựa thông		1.441,80	184,00	453,40	203,94
7. Colophan, axit nhựa cây		638,67	100,00	100,02	134,18
8. Phân bón NPK		515,38	151,80	219,76	140,97
9. Săm xe, lốp xe các loại		127,69	79,33	85,04	90,69
10. Gạch xây		103,30	71,54	74,38	96,86
11. Xi măng Portland đen		61,29	81,90	-	3.209,90
12. Tấm lợp Fibro xi măng		10.296,73	99,96	70,79	86,70
13. Tấm lợp bằng kim loại		246,92	119,78	100,31	95,80



SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 04/SCTNC

CHỈ SỐ TỒN KHO NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO
Tháng 5/2015

Đơn vị tính: %

Tên ngành	Mã số	So với cùng kỳ năm gốc 2010	Tháng 5/2015 so với tháng 4/2015	Tháng 5/2015 so với tháng 5/2014
A	B	1	2	3
Toàn ngành		116,35	128,14	164,55
C. Công nghiệp chế biến, chế tạo		116,35	128,14	164,55
1. Tinh bột sắn		5,33	25,83	3,16
2. Đồ uống không cồn, nước khoáng		110,59	111,77	387,61
3. May mặc, may trang phục		1.095,09	93,55	30,39
4. Gỗ cửa, gỗ xẻ		579,22	106,90	113,99
5. Ván ép (gỗ MDF)		20,45	118,01	23,85
6. Dầu nhựa thông		4,50	2,93	7,46
7. Colophan, axit nhựa cây		240,02	176,73	957,65
8. Phân bón NPK		1.290,49	86,97	100,92
9. Săm xe, lốp xe các loại		38,80	272,14	113,97
11. Gạch xây		21,92	87,02	105,83
12. Xi măng Portland đen		3,56	35,00	440,57
13. Tấm lợp Phibro xi măng		220,98	110,27	81,14

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI)

Tháng 6 và 6 tháng năm 2015

Nhóm hàng	Mã số	Kỳ gốc	Tháng cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	Bình quân cùng kỳ
Chỉ số giá tiêu dùng	C	167,54	100,00	99,92	99,93	100,14
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	1	165,71	98,98	98,57	98,94	100,18
II. Đồ uống, thuốc lá	2	143,93	103,06	102,97	100,58	102,42
III. May mặc, mũ nón, giày dép	3	180,98	105,02	102,04	100,37	105,07
IV. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng	4	184,29	101,01	101,59	100,34	100,42
V. Thiết bị đồ dùng gia đình	5	156,89	101,48	100,93	100,04	101,71
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	6	223,45	100,39	100,14	100,00	100,45
VII. Giao thông	7	149,33	91,10	98,44	103,37	88,29
VIII. Hàng bưu chính viễn thông	8	86,47	98,89	98,78	100,00	98,75
IX. Giáo dục	9	185,47	104,04	100,28	100,00	103,97
X. Văn hóa, giải trí và du lịch	10	128,96	101,04	100,84	100,00	100,88